



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Tiếng Việt thực hành

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRỊNH THỊ CHÍN

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

(Dùng trong các trường THCS)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Lời giới thiệu

*N*ước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quan triệť chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủyban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THCS Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THCS ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đông đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm “50 năm giải phóng Thủ đô”, “50 năm thành lập ngành” và hướng tới kỷ niệm “1000 năm Thăng Long - Hà Nội”.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lời nói đầu

Cuốn Tiếng Việt thực hành được biên soạn cho học sinh các trường trung học chuyên nghiệp nhằm mục đích:

- Hệ thống, củng cố và nâng cao kiến thức tiếng Việt phổ thông cơ bản cho học sinh, hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp xã hội.

- Chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng nói và viết, phân tích và tạo lập văn bản, đặc biệt là các văn bản hành chính cho học sinh qua các bài tập thực hành.

Ngoài Bài mở đầu, cuốn sách bao gồm các chương sau:

Chương 1: Chữ viết của tiếng Việt.

Chương 2: Dùng từ trong văn bản.

Chương 3: Tạo câu trong văn bản.

Chương 4: Dựng đoạn văn trong văn bản.

Chương 5: Tiếp nhận và tạo lập văn bản.

Tuỳ theo những hoàn cảnh cụ thể trong thực tế giảng dạy, giáo viên có thể trình bày sâu thêm những kiến thức cơ bản đã có trong sách, ra thêm các bài tập thực hành tương ứng.

Học sinh cần nắm vững những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng nói, viết, tạo lập văn bản thông qua các bài tập thực hành dưới sự hướng dẫn của các thầy cô giáo.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn bè, đồng nghiệp. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những sự quan tâm giúp đỡ đó.

Do một số điều kiện chủ quan và khách quan, cuốn sách có thể không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và bạn đọc để lần chỉnh sửa sau, cuốn sách có chất lượng tốt hơn.

TÁC GIẢ

Bài mở đầu

TIẾNG VIỆT VÀ BỘ MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

1. Khái niệm “Tiếng Việt”

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Theo số liệu thống kê, nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Việt (dân tộc Kinh) chiếm đa số. Mỗi dân tộc có ngôn ngữ riêng.

Tiếng Việt là ngôn ngữ của dân tộc Việt và được dùng với tư cách là ngôn ngữ quốc gia của nước Việt Nam.

Tiếng Việt có nguồn gốc rất cổ xưa và đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài, đầy sức sống; là một trong những thứ tiếng có lịch sử lâu đời trên thế giới.

Trải qua hàng nghìn năm phát triển cùng với sự phát triển của dân tộc, tiếng Việt ngày càng lớn mạnh, phong phú. Trong lịch sử, cũng đã có thời kì các thế lực xâm lược ngoại bang và tầng lớp thống trị trong nước dùng tiếng nói và chữ viết nước ngoài (tiếng Hán, tiếng Pháp) làm ngôn ngữ chính thống trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hoá, giáo dục và tiếng Việt bị coi rẻ, bị chèn ép. Nhưng cũng như dân tộc Việt, tiếng Việt không bị đồng hoá, không bị mai một mà vẫn tồn tại và phát triển mạnh mẽ. Với sự ra đời và phát triển của chữ Nôm, rồi chữ Quốc ngữ, tiếng Việt ngày càng khẳng định vị trí của nó, trường tồn và phát triển cho đến ngày nay.

2. Chức năng xã hội của tiếng Việt

Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất trong xã hội Việt Nam hiện nay: trong giao tiếp sinh hoạt thông thường hàng ngày, trong giao tiếp về chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, giáo dục, quân sự, ngoại giao...

Tiếng Việt là chất liệu của sáng tạo nghệ thuật - nghệ thuật ngôn từ.

Tiếng Việt là công cụ nhận thức, tư duy của người Việt, mang dấu ấn của cách cảm nghĩ và lối sống của người Việt.

Tiếng Việt là phương tiện tổ chức và phát triển xã hội.

Với các chức năng xã hội quan trọng như trên, vị trí và vai trò của tiếng Việt trong cuộc sống xã hội ở Việt Nam cũng như trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định.

Để thực hiện chức năng xã hội như trên, ngoài việc được tổ chức theo nguyên tắc hệ thống và nguyên tắc tín hiệu, tiếng Việt còn có một số đặc điểm riêng trong cơ cấu tổ chức mà khi sử dụng cần chú ý:

- Tiếng Việt là một ngôn ngữ phân tiết tính.
- Tiếng Việt là một ngôn ngữ không biến hình.
- Tiếng Việt dùng các phương thức ngữ pháp sau:
 - + Phương thức trật tự từ
 - + Phương thức hư từ
 - + Phương thức ngữ điệu.

3. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Giữ gìn sự trong sáng, sự giàu đẹp phong phú của tiếng Việt, làm cho nó ngày càng trở nên hữu ích trong giao tiếp xã hội là một vấn đề có tính lâu dài và được đặt ra thường xuyên. Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta cần phải:

- Có tình cảm yêu quý và thái độ trân trọng đối với tiếng nói và chữ viết của chúng ta, tìm tòi và phát hiện sự giàu đẹp cùng bản sắc, tinh hoa của tiếng nói dân tộc ở tất cả các phương diện của nó: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách.

- Phải rèn luyện một tư duy thường trực và thói quen trong sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, sáng sủa, mạch lạc để đạt hiệu quả giao tiếp cao.

- Sử dụng tiếng Việt trong sáng là sử dụng theo đúng các chuẩn mực: chuẩn mực về phát âm và chữ viết, chuẩn mực về từ ngữ, về ngữ pháp và chuẩn mực về phong cách.

- Luôn luôn tiếp nhận những yếu tố ngôn ngữ có giá trị tích cực từ các ngôn ngữ khác đồng thời đảm bảo các yêu cầu về tính truyền thống cũng như tính

hiện đại để phát triển tiếng Việt hiện đại, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi mà giao lưu quốc tế và sự tiếp xúc văn hoá được mở rộng hơn bao giờ hết. Trong khi tiếp nhận ngôn ngữ, cần lưu ý:

+ Chỉ tiếp nhận những yếu tố ngôn ngữ cần thiết để làm giàu có, phong phú cho tiếng Việt.

+ Tránh sự lạm dụng (mượn tràn lan, ngay cả khi không cần thiết), tránh bệnh sính dùng tiếng nước ngoài. Đồng thời, tránh cả hiện tượng vay mượn và sử dụng lai tạp, hỗn độn như trường hợp nhiều từ cấu tạo theo kiểu nửa Việt, nửa nước ngoài làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Môn Tiếng Việt thực hành - Mục tiêu và nhiệm vụ

Môn Tiếng Việt thực hành (TVTH) là môn học cung cấp những tri thức cơ bản và cần thiết đồng thời rèn luyện một số kĩ năng giúp cho người học nâng cao và hoàn thiện khả năng sử dụng *tiếng mẹ đẻ* của mình. Môn TVTH hướng tới mục tiêu sau:

- Bồi dưỡng tình cảm yêu quý và thái độ trân trọng đối với tiếng Việt, đồng thời rèn luyện thói quen và ý thức thường xuyên sử dụng tiếng Việt một cách cẩn trọng, có sự cân nhắc, lựa chọn thấu đáo.

- Học sinh có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về quy tắc chính tả, kĩ năng dùng từ, đặt câu, cách sử dụng dấu câu khi nói và viết; nắm được những đặc trưng cơ bản của văn bản hành chính, đặc điểm về từ và câu của loại văn bản này, từ đó vận dụng tiếng Việt vào việc soạn thảo các loại văn bản hành chính.

Chương 1

CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT

Mục tiêu:

Sau khi học tập và rèn luyện chương này, học sinh cần đạt được những mục tiêu chính sau đây:

- + Có kĩ năng viết đúng chính tả tiếng Việt;
- + Biết phát hiện, phân tích và sửa chữa lỗi chính tả thường gặp.

Tóm tắt nội dung:

- + Chữ cái tiếng Việt; nguyên tắc xây dựng chữ Quốc ngữ, nguyên tắc chính tả tiếng Việt; cách luyện và sửa lỗi chính tả.
- + Một số quy định về viết hoa và viết thuật ngữ tiếng nước ngoài.

I. CHỮ QUỐC NGỮ

1. Chữ cái tiếng Việt

Chữ viết tiếng Việt là chữ tượng thanh (ghi lại âm thanh của lời nói). Chữ cái tiếng Việt được xây dựng theo hệ thống chữ cái Latinh, gồm các chữ cái sau:

- Chữ cái dùng để ghi 11 nguyên âm đơn: a, ă, â, e, ê, i (y), o, ô, ơ, u, ư và 3 nguyên âm đôi: iê (yê, ia, ya), ươ (ưa), uô (ua).
- Chữ cái dùng để ghi 22 phụ âm: b, c (k, q), ch, d, đ, g (gh), gi, h, kh, l, m, n, ng (ngh), p, ph, r, s, t, th, tr, v, x.
- Ngoài các chữ cái, tiếng Việt còn sử dụng thêm 5 dấu để ghi 6 thanh điệu (không dùng dấu để ghi thanh ngang).

2. Nguyên tắc xây dựng chữ Quốc ngữ

Chữ Quốc ngữ được xây dựng theo nguyên tắc âm vị học. Nguyên tắc âm

vị học yêu cầu giữa âm và chữ phải có quan hệ tương ứng “1 - 1”. Điều kiện của nguyên tắc này:

- Mỗi âm chỉ do một kí hiệu biểu thị.
- Mỗi kí hiệu luôn luôn chỉ có một giá trị, tức là biểu thị chỉ một âm duy nhất ở mọi vị trí trong từ.

Về cơ bản, chữ Quốc ngữ được tạo ra có tính đến khá đầy đủ các điều kiện đó.

3. Những hạn chế của chữ Quốc ngữ

Do nhiều nguyên nhân - lịch sử, văn hoá, xã hội, ngôn ngữ khác nhau, những người tạo ra chữ Quốc ngữ đã không tuân thủ được một cách nghiêm ngặt những yêu cầu của nguyên tắc ngữ âm học trong chữ viết. Những hạn chế của chữ Quốc ngữ có thể quy vào hai trường hợp chính:

* Vi phạm nguyên tắc tương ứng “1 - 1” giữa kí hiệu và âm thanh, dùng nhiều kí hiệu để biểu thị 1 âm. Ví dụ:

- âm /k/(cờ) được biểu thị bằng 3 kí hiệu: c, k, q
- âm /i/ được biểu thị bằng 2 kí hiệu: i, y
- âm /g/(gờ) được biểu thị bằng hai ký hiệu g, gh
- âm /ŋ/(ngờ) được biểu thị bằng ng, ngh

* Vi phạm tính đơn trị của kí hiệu: một kí hiệu biểu thị nhiều âm khác nhau tùy thuộc vào vị trí của nó trong quan hệ với những âm trước và sau nó. Ví dụ:

- Chữ g khi đứng trước các chữ không phải là i, e, ê biểu thị âm /g/, ví dụ: gà, gò, gu; khi đứng trước i hoặc ie thì một mình g lại biểu thị âm /z/, ví dụ: gì, gìn, giết...

- Khi đi cùng với h, thì g lại là một thành tố biểu thị âm /γ/, ví dụ: ghi, ghé...

Ngoài ra, chữ Quốc ngữ còn dùng nhiều dấu phụ trong các chữ cái: â, á, ò, ơ, ư và ghép nhiều con chữ để biểu thị một âm như các trường hợp: ch, gh, kh, nh, ngh, ph, th, tr.

II. CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

1. Nguyên tắc chính tả tiếng Việt

Chính tả là việc viết đúng chữ viết theo chuẩn mực, viết đúng các âm, các